

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-PT
Ngày 24/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đắc Dương

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 63/2021/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Dương Thị C do có kháng cáo của bị cáo Dương Thị C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo có kháng cáo: Dương Thị C, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1959; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương P (chết) và bà Kim Thị Sa E (chết); bị cáo chưa có chồng; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2021 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người phiên dịch: Ông Kim Thành Lan, công tác tại Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/02/2021, Công an xã H tiếp nhận tin báo từ ông Nguyễn Thành P, cư ngụ Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc ông bị mất trộm tài sản gồm: 01 tấm lắc bằng vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ; 03 chiếc nhẫn tròn vàng 24K, mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ; 06 chiếc nhẫn tròn vàng 24K, mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K có gắn hột cẩm thạch, trọng lượng 01 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng khoảng 01 chỉ. Sau khi tiếp nhận, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh vụ việc và xác định Dương Thị C, ngụ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người thực hiện vụ trộm cắp tài sản của ông P.

Qua làm việc, bị cáo Dương Thị C khai nhận vào ngày 08/01/2021 (trước tết Nguyên Đán), ông Nguyễn Thành P có thuê bà bị cáo C quét dọn nhà cửa. Trong lúc làm việc, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi những người trong gia đình ông P đang quét dọn ở nhà sau còn bị cáo C quét dọn ở nhà trước, trong lúc quét dọn bị cáo C phát hiện trên nền gạch dưới tủ thờ có một bọc nylon màu xanh được buộc lại. Bị cáo C cầm bọc nylon lên lắc thử thì nghe âm thanh sột soạt bên trong, nghĩ bên trong có vàng nên bị cáo lấy bọc nylon trên giấu vào lưng quần đang mặc rồi đi ra chỗ để xe đạp, lấy bọc nylon từ trong lưng quần ra bỏ vào rổ xe đạp, điều khiển xe đạp về nhà.

Khi về đến nhà, bị cáo C kiểm tra bọc nylon màu xanh lấy ở nhà ông P thì phát hiện bên trong bọc nylon màu xanh là bọc nylon màu đen, bên trong bọc nylon màu đen là 03 hộp nhựa màu đỏ, loại đựng vàng (02 hộp nhỏ và 01 hộp lớn). Bên trong 01 hộp vàng nhỏ có 02 chiếc nhẫn tròn trơn, loại lớn; bên trong hộp vàng nhỏ còn lại có 04 chiếc nhẫn tròn trơn, loại nhỏ. Bên trong hộp vàng lớn có 01 tấm lắc đeo tay khoen đẹp, 01 chiếc nhẫn nhỏ có gắn hột cẩm thạch màu xanh và 01 đôi bông tai.

Sau khi kiểm tra số vàng lấy trộm được của ông P, bị cáo C lấy 02 chiếc nhẫn lớn gửi bà Thạch Thị Sô P, ngụ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh giữ dùm. Số vàng còn lại, bị cáo C cất giữ và nhiều lần đem đi bán để lấy tiền tiêu xài thì biết được số lượng vàng lấy trộm của ông P, như sau: 04 chiếc nhẫn tròn trơn loại nhỏ là vàng 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 01 tấm lắc đeo tay khoen đẹp là vàng 18K, có trọng lượng 10 chỉ; 01 chiếc nhẫn nhỏ có gắn hột cẩm thạch màu xanh và 01 đôi bông tai là vàng 18K nhưng bị cáo C không nhớ trọng lượng bao nhiêu. Cụ thể các lần bán như sau:

Lần đầu: Bị cáo C đến tiệm vàng VL thuộc khóm T, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bán 01 tấm lắc vàng 18K, trọng lượng 10 chỉ, được số tiền 32.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn có gắn hột cẩm thạch vàng 18K và đôi bông tai không nhớ trọng lượng bao nhiêu, được số tiền 3.650.000 đồng. Tại đây, bị cáo C mua lại 01 sợi dây chuyền có mặt bằng vàng, loại vàng 18K, trọng lượng trên 03 chỉ, với số tiền 12.050.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo C còn sử dụng số tiền bán vàng trên mua 02 tủ nhôm, loại để quần áo, trong đó: 01 cái tủ giá 3.200.000 đồng, 01 tủ giá 3.000.000 đồng và mua một nồi cơm điện với số tiền 600.000 đồng để sử dụng trong gia đình. Số tiền còn lại thì bị cáo C trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Bị cáo C lấy 02 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ cũng bán tại tiệm vàng VL, được số tiền bao nhiêu thì không nhớ. Bị cáo C dùng tiền bán vàng mua lại 01 tấm lắc đeo tay, bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ với số tiền bao nhiêu thì bị cáo C không nhớ, số tiền còn lại thì bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai vài ngày sau đó, bị cáo C tiếp tục mang 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ đến tiệm vàng ở chợ Trà Vinh để bán nhưng bị cáo C không nhớ tên tiệm vàng và địa chỉ cụ thể. Bị cáo C bán được số tiền ngoài 10.000.000 đồng, số tiền này bị cáo C tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ tư: Bị cáo C nhờ Thạch Thị Sô P chở đến tiệm vàng PL thuộc ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh bán 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 tấm lắc đeo tay, vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ (tấm lắc bị cáo C mua tại tiệm vàng VL trước đó). Tại đây, bị cáo C mua lại 01 bộ vòng simen (09 chiếc), vàng 18k, số tiền bán và mua lại cụ thể bao nhiêu thì bị cáo C không nhớ nhưng sau khi cân trừ qua lại thì bị cáo C đưa cho tiệm vàng số tiền 1.175.000 đồng.

Lần thứ năm: Bị cáo C đến nhà Thạch Thị Sô P lấy 01 chiếc nhẫn 05 chỉ, vàng 24K trong số 02 chiếc mà bị cáo C gửi Sô P trước đó và nhờ Sô P bán dùm 01 chỉ, nhưng Sô P không đi mà nhờ chồng tên Thạch H đi bán. Ông H đem chiếc nhẫn đến tiệm vàng KCH ở chợ Trà Vinh bán 01 chỉ, được số tiền 5.385.000 đồng và ông H nhận lại 02 chiếc nhẫn, vàng 24K (mỗi chiếc 02 chỉ). Ông H đem tiền và vàng về đưa cho Sô P. Sô P đưa tiền bán vàng cho bị cáo C còn vàng thì bị cáo C tiếp tục gửi cho Sô P. Bị cáo C dùng số tiền bán vàng này đi khám bệnh mua thuốc uống và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 07/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, kết luận: 03 chiếc nhẫn tròn bằng vàng, loại nhẫn tròn, có trọng lượng 15 chỉ (mỗi chiếc 05 chỉ), loại vàng 24K; 06 chiếc nhẫn tròn bằng vàng, loại nhẫn tròn, có trọng lượng 12 chỉ (mỗi chiếc 02 chỉ), loại vàng 24K; 01 tấm lắc đeo tay loại khoen đẹp bằng vàng có trọng lượng 10 chỉ, loại vàng 18K; 01 chiếc nhẫn đeo tay có gắn hột cẩm thạch màu xanh, trọng lượng 01 chỉ, loại vàng 18K; 01 đôi bông tai, trọng lượng 0,7 chỉ, loại vàng 18K, (giá 5.445.000 đồng/ 1 chỉ vàng 24K; 3.300.000 đồng/ 1 chỉ vàng 18K), tổng số tiền 185.625.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 1609/C09B ngày 22/3/2021, của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 02 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có ký hiệu “KIM CONG HUNG 999 2 CHỈ”, tổng khối lượng 15,0056 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng vàng 99,96%; 01 nhẫn tròn bằng kim loại, mặt trong có ký hiệu “999”, khối lượng 18,7524 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng vàng 99,98%; 09 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 22,9228 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng vàng 63,06%; 01 sợi dây chuyền có gắn mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 13,7587 gam được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng vàng 65,34%.

Kết luận định giá tài sản ngày 07/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn tròn kim loại vàng (Au) mặt trong có ký hiệu “999” có khối lượng 18,7524 gam, hàm lượng vàng 99,98% (24k); 02 (hai) chiếc nhẫn tròn, kim loại vàng (Au) mặt trong có ký hiệu “KIM CONG HUNG 999 2 CHỈ” có khối lượng 15,0056 gam, hàm lượng vàng 99,96% (24k); 09 (chín) vòng đeo tay bằng kim loại vàng, có tổng khối lượng 22,9228 gam, hàm lượng vàng 63,06% (16k); 01 (một) sợi dây chuyền có gắn mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 13,7587 gam là vàng, hàm lượng vàng 65,34% (18k); 01 (một) tủ nhôm có kích thước cao 1,9m, ngang 1,8m, sâu 0,5m, được mua vào tháng 01 năm 2021; 01 (một) tủ nhôm có kích thước cao 1,9m, ngang 1,4m, sâu 0,5m được mua vào tháng 01 năm 2021; 01 (một) nồi cơm điện hiệu Sharp, đường kính 20cm, chu vi 68cm, chiều cao 17cm được mua vào tháng 01 năm 2021 với tổng số tiền 82.083.645 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại thống nhất số vàng bị mất trộm theo lời khai của bị cáo Dương Thị C nên Vị đại diện Viện kiểm sát thay đổi số tiền mà bị cáo trộm cắp là 136.620.000đ và được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị C 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2021, bị cáo Dương Thị C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Dương Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng với hành vi của bị cáo, không oan, không sai. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và yêu cầu kháng cáo bị cáo Dương Thị C. Vị kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Thị C tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Về mức hình phạt án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là phù hợp với tính chất vụ án, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo và cũng áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó việc kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều

355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị cáo Dương Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Thị C: xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Thị C là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Dương Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội khớp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của cơ quan điều tra đã thu thập được và bị hại, phù hợp với vật chứng thu được. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo cũng như án sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, bị cáo thống nhất tội danh trên nên không có kháng cáo về tội danh mà kháng cáo xin hưởng án treo.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn tỏ ra xem thường pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị tài sản lên đến 136.620.000 đồng. Trong xã hội hiện nay việc bảo vệ sự an toàn về tài sản của con người là vấn đề pháp luật và xã hội quan tâm. Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp pháp luật, xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là đã có xem xét đến tính chất, mức độ phạm tội, hoàn cảnh gia đình và nhân thân của bị cáo một cách đầy đủ, thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Như vậy, mới có thời gian cách ly bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung cho mọi người, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp diễn biến phức tạp hiện nay trên địa bàn, phục vụ tình hình chính trị tại địa phương. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo không có cơ sở để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Dương Thị C.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HSST, ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị C 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Dương Thị C được tính từ ngày chấp hành án.

Án phí: Bị cáo Dương Thị C phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan THAHS huyện C;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Mên